

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N S
TỈNH M DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST

Ngày: 20/9/2022

**V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N S, TỈNH M DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên, bà Bùi Thị Quy.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N S tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N S, tỉnh M Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐHPTST-HNGĐ ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Đội .., thôn BT, xã N T, huyện N S, tỉnh M Dương.

- Bị đơn: Anh Tăng Văn N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà ... NT, khu H, thị trấn N S, huyện N S, tỉnh M Dương.

Chị M có mặt, anh N vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh M trình bày: Chị Nguyễn Thị Thanh M và anh Tăng Văn N được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N S, huyện N S, tỉnh M Dương ngày ../2013. Sau khi kết hôn, chị M về chung sống cùng anh N và gia đình nhà chồng ở khu H, thị trấn N S. Anh chị chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và kinh tế gia đình. Từ đó vợ

chồng thường xuyên cãi nhau. Anh N còn đánh chị nhiều lần. Chị không có yêu cầu đề nghị gì về việc anh N đánh chị, không đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết, không yêu cầu Tòa án xác minh về nội dung này vì thấy không cần thiết. Tháng 6 năm 2022, sau khi vợ chồng cãi nhau, chị đã bỏ nhà anh N về ở cùng bố mẹ đẻ chị và sống ly thân với anh N đến nay. Anh N có gọi điện thoại và nhắn tin bảo chị về chung sống cùng anh nhưng chị không đồng ý. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài. Chị đề nghị được ly hôn anh N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Tăng M S1, sinh ngày 10/4/2014 và, sinh ngày 01/6/2018. Các con chung đang ở với anh N. Khi chị M bỏ nhà anh N đi, chị rất muốn mang theo hai con nhưng anh N không đồng ý. Anh N còn đe dọa chị là anh sẽ mang các con đi miền N và chị sẽ không được gặp lại các con. Nay, chị được biết cháu S1 có nguyện vọng ở với anh N. Chị đề nghị Tòa án giao cháu S1 cho anh N nuôi dưỡng. Giao cháu S2 cho chị nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị làm công nhân, thu nhập bình quân 10.000.000đồng/tháng. Chị đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ chị. Bố mẹ đẻ chị tạo điều kiện để mẹ con chị có chỗ ở ổn định, lâu dài và trông nom con giúp chị khi chị bận công việc.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết tại Tòa án: Bị đơn là anh Tăng Văn N không đến Tòa án làm việc mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Ngày 09/9/2022, anh N đến Tòa án trình bày: Anh N và chị M được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N S, huyện N S, tỉnh M Dương. Sau khi kết hôn, anh chị về sống cùng nhà với mẹ anh là bà B. Anh chị chung sống bình thường đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Chị M tự bỏ nhà đi, anh không đánh, không đuổi chị M. Từ đó đến nay, chị M không về chung sống cùng anh nữa. Chị M chỉ liên lạc với anh vài lần qua điện thoại. Anh khuyên nhủ chị M về với con nhưng chị M không về thăm con lần nào. Nay chị M xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh N và chị M có hai con chung như chị M trình bày. Nếu phải ly hôn, anh nhận nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện tại anh làm tự do, thu nhập bình quân 15.000.000đồng/tháng. Anh đang ở cùng nhà với mẹ đẻ anh, đảm bảo nuôi được hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người làm chứng – Bà T trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị M. Anh N và chị M kết hôn với nhau năm 2013. Sau khi kết hôn, chị M về sống cùng gia đình

nhà chồng. Nhiều lần, bà thấy chị M bị bầm tím ở mặt, chân tay. Bà hỏi thì được biết anh N và chị M thường xuyên cãi nhau, anh N đánh chị M. Bà nói chuyện với anh N thì anh N xin lỗi và chị M cũng bỏ qua. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn. Bà đã pM đến nhà đón chị M về nhiều lần. Được gia đình khuyên nhủ thì chị M lại về chung sống cùng anh N. Từ tháng 6 năm 2022, chị M xin phép được về ở hẳn với bà vì không thể chịu đựng được nữa. Bà nhận thấy chị M và anh N đã mâu thuẫn nặng nề, không thể hàn gắn được. Ly hôn hay không là do anh chị quyết định.

Chị P trình bày: Chị làm cùng với chị M. Nhiều lần chị thấy mặt, chân tay chị M bị bầm tím. Chị hỏi thì chị M cho biết bị anh N đánh. Có lần chị chứng kiến trong lúc chị M đang làm việc, anh N gọi điện video chửi mắng chị M rất thậm tệ. Nguyên nhân vì sao thì chị không biết. Gần đây chị thấy chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Chị còn chứng kiến một lần anh N gọi điện thoại nói với chị M là nếu chị M ly hôn, anh N sẽ mang con vào miền N và chị M sẽ không bao giờ được gặp lại con nữa.

Anh NT trình bày: Anh là anh họ của chị M. Khoảng năm 2016-2017, anh làm S1 cùng anh N, anh thường về nhà chị M ăn cơm. Anh trực tiếp chứng kiến chị M và anh N cãi nhau, sau đó anh N đánh chị M. Nguyên nhân vì sao thì anh không biết. Anh can ngăn thì anh N không đánh chị M nữa. Sau này, có vài lần anh gặp chị M về nhà bố mẹ đẻ, thấy mặt chị M bị bầm tím, anh hỏi thì chị M nói là do bị anh N đánh.

Bà B – mẹ đẻ của anh N trình bày: Anh N và chị M kết hôn xong thì về sống cùng nhà với bà. Quá trình chung sống, bà thấy vợ chồng không có mâu thuẫn nặng nề. Ngày 26/3/2022, chị M bỏ nhà đi đến nay không quay về sống cùng anh N nữa. Bà đã gặp bố chị M để cùng khuyên nhủ chị M nhưng không có kết quả. Nay chị M xin ly hôn, tùy anh chị quyết định. Anh chị có hai con chung hiện đang ở cùng với bà và anh N. Anh N làm thợ S1, vẫn thường xuyên về nhà với các con. Bà tạo điều kiện trông nom và chăm sóc các cháu giúp anh N. Nếu anh chị ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi một con chung.

Kết quả xác minh tại địa phương: Anh N và chị M kết hôn với nhau và sinh sống tại số nhà 18/9 NT, khu H, thị trấn N S. Quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn với nhau. Chị M đã bỏ đi nơi khác ở. Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được. Anh chị không đề nghị địa phương giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không đề nghị hòa giải cho anh chị. Thời gian gần đây, chị M không còn sống cùng anh N nữa. Về con chung: Anh N chị M có hai con chung. Hai cháu đang ở cùng anh N và bà B (mẹ đẻ anh N). Anh N làm tự do, thu nhập cụ thể địa phương không biết. Anh N vẫn thường xuyên sinh sống tại nhà của bà B ở địa chỉ trên.

Tại phiên tòa: Chị M giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh N. Chị xác định anh chị có nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn được. Anh N đi làm có tiền nhưng không đưa cho chị nuôi con lại còn rất hay đánh chị. Vì thế, chị đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị. Cho chị được ly hôn với anh N. Về con chung: Chị xin nuôi cháu S2, giao cháu S1 cho anh N nuôi dưỡng vì cháu S1 muốn ở với bố. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị không có yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N S, tỉnh M Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M. Tuyên xử: Chị Nguyễn Thị Thanh M ly hôn anh Tăng Văn N. Về con chung: Khi ly hôn, giao con chung là S1 cho anh N, giáo con chung là S2 cho chị M nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Anh N và chị M không pM đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh N đã được triệu tập hợp lệ hai lần và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh N được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N S, huyện N S, tỉnh M Dương ngày 16/9/2013. Như vậy, hôn nhân giữa chị M và anh N là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị M, anh chị chung sống bình thường được một thời thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị thường bất đồng về quan điểm sống và kinh tế gia đình. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh N đánh chị nhiều lần. Chị không có yêu cầu đề nghị gì về việc anh N đánh chị, không đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết, không yêu cầu Tòa án xác minh về nội dung này vì thấy không cần thiết. Tháng 6 năm 2022, chị đã bỏ nhà anh N về ở

cùng bố mẹ đẻ chị và sống ly thân với anh N đến nay. Anh N có gọi điện thoại và nhắn tin báo chị về chung sống cùng anh nhưng chị không đồng ý.

Theo anh N, anh chị chung sống bình thường đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Chị M tự bỏ nhà đi, anh không đánh, không đuổi chị M. Từ đó đến nay, chị M không về chung sống cùng anh nữa. Chị M chỉ liên lạc với anh vài lần qua điện thoại. Anh khuyên nhủ chị M về với con nhưng chị M không về thăm con lần nào.

Qua lời khai của các đương sự, người làm chứng và cung cấp của địa phương, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh N là có thật. Anh chị đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Cần chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị M ly hôn anh N để hai bên ổn định cuộc sống là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị M và anh N có 02 con chung là S1, sinh ngày 10/4/2014 và S2, sinh ngày 01/6/2018. Các con chung đang ở với anh N.

Hội đồng xét xử thấy: Chị M và anh N đều có đủ điều kiện nuôi con, anh chị có việc làm, có thu nhập, có chỗ ở ổn định. Cháu S1 có nguyện vọng được ở với anh N. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với lợi ích của con, đảm bảo cho con được ổn định về tâm lý và phát triển tốt nhất. Do đó, khi chị M và anh N ly hôn, giao cháu S1 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu S2 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị M và anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh M.

- Tuyên xử: Chị Nguyễn Thị Thanh M ly hôn anh Tăng Văn N.

- Về con chung: Khi ly hôn, giao con chung là S1, sinh ngày 10/4/2014 cho anh Tăng Văn N trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên. Giao con chung là S2, sinh ngày 01/6/2018 cho chị Nguyễn Thị Thanh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên. Chị M và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh M pM chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003675 ngày 21/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N S, tỉnh M Dương. Chị M đã thi hành xong tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pM thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện N S;
- CCTHADS huyện N S;
- UBND thị trấn N S;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu văn phòng.

Phạm Thúy Hằng

